

Số: 742/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 799/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989; CCCD số: 046089001574; Địa chỉ: B T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1994; CCCD số: 046194001578; Địa chỉ: B T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị Hồng N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/3/2018.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh T, chị N xác nhận có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trần Thùy L, sinh ngày 26/9/2019 và cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày: 12/4/2022.

Hai anh chị thỏa thuận: Giao cả 02 cháu Thùy L và Bảo K cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà

không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi cả hai người con, mỗi cháu là 3.000.000đồng/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh T, chị N thoả thuận mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là tự nguyện, có căn cứ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1.1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị Hồng N.

**1.2.** Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Trần Thùy L và Nguyễn Trần Bảo K cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

**1.3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi 02 cháu Nguyễn Trần Thùy L và Nguyễn Trần Bảo K, mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**1.4.** Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị Hồng N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004732 ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T, chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- UBND phường Tây Lộc, tp Huế,
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Như Thuận**